TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 03/2023/DS-ST Ngày: 04-5-2023 *V/v tranh chấp về thừa kế tài sản*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc D

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Nguyễn Duy Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 4, ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022 về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 15/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-DS ngày 14/4/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị H; Sinh năm: 1937; Địa chỉ: Số 01A, ngách 01, ngõ 64, đường N, tổ dân phố 6, phườngường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Sử Văn H; sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số 52, ngõ 64, đường N, tổ dân phố 6, phườngường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt.

Bị đơn: Ông Sử Văn D; Sinh năm: 1966; Địa chỉ cư trú: Số 14, ngõ 156, đường N, tổ dân phố 6, phườngường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Bà Sử Thị X**; Sinh năm: 1962; Địa chỉ: Số 151/77, đường Â, phườngương H, quận L, thành phố Đ– Có mặt.

- **Bà Sử Thị T**; Sinh năm: 1964; Địa chỉ: Số 151/77, đường Â, phườngương H, quận L, thành phố Đà Nẵng – Có mặt.

- **Ông Sử Văn H**; Sinh năm: 1971; Địa chỉ: Số 52, ngõ 64, đường N, tổ dân phố 6, phườngường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh - Có mặt.

- Bà Sử Thị H; Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Số 09, đường B, tổ 15, thị trấn D, tỉnh Lâm Đồng – Vắng mặt.

- Bà Sử Thị H; Sinh năm: 1977; Địa chỉ: Số 151/77, đường Â, phườngương H, quận L, thành phố Đà Nẵng – Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Sử Thị H, bà Sử Thị H: Bà Sử Thị T; Sinh năm: 1964; Địa chỉ: Số 151/77, đường Â, phườngương H, quận L, thành phố Đà Nẵng – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Trương Thị H và ông Sử Văn M sau thời gian tìm hiểu và được gia đình hai bên đồng ý thì ông, bà đã tổ chức làm đám cưới vào năm 1959 (khi đó ông, bà không đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn). Sau khi tổ chức làm đám cưới thì ông, bà về sinh sống với nhau tại xóm V, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ Tỉnh (nay là tổ dân phố 6, phườngường H, thành phố H) từ đó cho đến khi ông Sử Văn M chết năm 2017. Quá trình chung sống ông M, bà H sinh được 6 con chung gồm: bà Sử Thị X, bà Sử Thị T, ông Sử Văn D, ông Sử Văn H, bà Sử Thị H, bà Sử Thị H và tạo lập được một thửa đất, có diện tích 1221,6 m^2 (trong đó đất ở: 1.000m^2, đất vườn: 221,6m^2), Tộc thửa đất số 499, tờ bản đồ số 4, tại khối phố 6, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 2014 ông M, bà H làm thủ tục tách thửa đất và có bán đi một phần đất để lấy tiền cho hai người em gái của bà Trương Thị H. Sau đó, ông M, bà H làm thủ tục tặng cho đất các con cụ thể: anh Sử Văn D 200 m^2, anh Sử Văn H 200 m^2, chị Sử Thị Hà 150m^2, chị Sử Thị X, Sử Thị T, Sử Thị H 150m^2, cho cháu đích tôn Sử Trung Kiên là con trai anh Sử Văn D 74m^2. Phần đất còn lại 239,5m^2 (đất ở: 150m^2, đất trồng cây lâu năm: 89,5m^2) ông M, bà H để sử dụng. Thửa đất trên đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 211790, ngày 26/9/2016 mang tên ông Sử Văn M, bà Trương Thị H. Ngày 26/4/2017 ông Sử Văn M chết không để lại di chúc. Do các con đã có gia đình, chỗ ở ổn định và đã được ông, bà cho đất đầy đủ. Bản thân bà H hiện già yếu, sống một mình, tH xuyên ốm đau bệnh tật, không có T nhập gì để nuôi bản thân. Bà H mong muốn bán thửa đất trên của mình để lấy tiền sinh sống thì bị con Sử Văn D cản trở, không cho bà được bán và nhiều lần chửi bới, xúc phạm bà. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận ½ diện tích đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tổ dân phố 6, phườngường H, thành phố H là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà H; chia thừa kế theo pháp luật cho các đồng thừa kế đối với di sản của ông M để lại là ½ diện tích thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phườngường H, thành phố H.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Sử Văn D trình bày: Bố, mẹ tôi là ông Sử Văn M, bà Trương Thị H lấy nhau hợp pháp và có 06 con chung gồm: bà Sử Thị X, bà Sử Thị T, ông Sử Văn D, ông Sử Văn H, bà Sử Thị H và bà Sử Thị H. Trước năm 1980 ông Sử Văn M, bà Trương Thị H được nhà nước cấp

cho hơn 1.000m^2 đất tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 2012 ông Sử Văn M, bà Trương Thị H đã họp gia đình thống nhất phân chia đất cho các con, trong phần đất của gia đình có để lại 100m^2 để xây dựng nhà thờ. Hiện nay, các con đã được chia đất như trong biên bản họp gia đình. Phần diện tích đất còn lại 239,5m^2, Tộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H mang tên ông Sử Văn M, bà Trương Thị H có 100m^2 đất dùng để xây dựng nhà thờ. Năm 2017 ông Sử Văn M chết không để lại di chúc, bà Trương Thị H nhiều lần đòi bán thửa đất, bà không chịu cắt đất để làm nhà thờ như di nguyện của ông Sử Văn M. Vì vậy, anh không đồng ý cho bà Trương Thị H được bán thửa đất trên. Trường hợp Tòa án phải chia di sản thừa kế của ông Sử Văn M để lại thì anh Sử Văn D xin được nhận phần di sản bằng hiện vật là phần đất anh được hưởng, anh không đồng ý nhận tiền.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Sử Văn H, bà Sử Thị T, bà Sử Thị X, người đại diện theo ủy quyền của bà Sử Thị H, bà Sử Thị Hà trình bày: các ông, bà đều thống nhất về hàng, diện thừa kế, di sản thừa kế là ½ diện tích thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H, ½ diện tích thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H là tài sản Tộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Trương Thị H. Các ông, bà đều đồng ý chia di sản thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị được nhận phần di sản thừa kế của mình và tặng lại cho nguyên đơn bà Trương Thị H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và T thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong các giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án cần: Căn cứ các Điều 623, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 16 Điều 3 Luật đất đai; Khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H, xác định thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H có diện tích 239,5m^2 đất (đất ở: 150m^2, đất trồng cây lâu năm: 89,5m^2) là tài sản chung và Tộc quyền quản lý, sử dụng của ông Sử Văn M, bà Trương Thị H; xác định ½ diện tích thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H là tài sản Tộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trương Thị H, tương ứng 119,75m^2 đất (trong đó: đất ở là 75m^2, đất trồng cây lâu năm là 44,75m^2); ½ diện tích thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H là di sản thừa kế của ông Sử Văn M, tương ứng 119,75m^2 đất (trong đó: đất ở là 75m^2, đất trồng cây lâu năm là 44,75m^2); Xác định hàng thừa kế theo pháp luật của ông Sử Văn M gồm: ông Sử Văn H, ông Sử Văn D,

bà Sử Thị T, bà Sử Thị X, bà Sử Thị H, bà Sử Thị Hà và bà Trương Thị H; Đề nghị xử, chia di sản thừa kế theo pháp luật 119,75m^2 đất (trong đó: đất ở là 75m^2, đất trồng cây lâu năm là 44,75m^2) cho 07 đồng thừa kế, mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 17,1m^2 đất (trong đó đất ở: 10,71m^2, đất trồng cây lâu năm: 6,39m^2), trị giá 111.285.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông Sử Văn D là để lại 100m^2 đất để xây dựng nhà thờ, trong phần diện tích đất 239,5m^2 đã được cấp cho ông Sử Văn M, bà Trương Thị H; Không chấp nhận yêu cầu được nhận phần di sản thừa kế bằng hiện vật là đất của ông Sử Văn D; Ghi nhận sự tự nguyện thỏa Tận của các đương sự là ông Sử Văn H, bà Sử Thị T, bà Sử Thị X, bà Sử Thị H và bà Sử Thị Hà tặng cho bà Trương Thị H kỷ phần thừa kế tài sản mà các đương sự được hưởng; Giao cho bà Trương Thị H được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H có diện tích 239,5m^2 đất (trong đó 150m^2 đất ở và 89,5m^2 đất trồng cây lâu năm). Buộc bà Trương Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Sử Văn D số tiền 111.285.000 đồng, tiền kỷ phần di sản thừa kế mà ông D được hưởng.

Về án phí, lệ phí: Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; khoản 2 Điều 147, Điều 157, Điều 165; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban tH vụ Quốc hội, Bà Trương Thị H và Sử Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm; ông D, ông H, bà T, bà H, bà Hà phải chịu án phí dân sự đối với phần di sản được hưởng; Ghi nhận tự nguyện chịu tiền lệ phí xem xét thẩm định, định giá tài sản của bà Trương Thị H (bà H đã nộp xong).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế. Đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản theo khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bất động sản tranh chấp tại thành phố H nên theo điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Ông Sử Văn M chết ngày 26/4/2017, đến ngày 08/11/2022 bà Trương Thị H khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia thừa kế nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông M vẫn còn.

- Nguyên đơn bà Trương Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sử Thị H, bà Sử Thị Hà có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sử Thị H, bà Sử Thị Hà. Theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H, bà Hà là phù hợp.

[2] Xét ông Sử Văn M, bà Trương Thị H sinh sống với nhau từ năm 1959, có tổ chức đám cưới, được gia đình, họ hàng, làng xóm công nhận nhưng không đăng ký kết hôn. Ông, bà chung sống với nhau từ đó cho đến khi ông Sử Văn M chết vào năm 2017. Quá trình chung sống ông, bà chăm sóc, giúp đỡ nhau, xây dựng gia đình hạnh phúc và sinh được 6 người con chung nên quan hệ hôn hân giữa ông M, bà H là quan hệ hôn nhân thực tế theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và H dẫn tại điểm c mục 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001.

[3] Xét ông Sử Văn M, bà Trương Thị H có 6 con chung gồm: bà Sử Thị X, bà Sử Thị T, ông Sử Văn D, ông Sử Văn H, bà Sử Thị H, bà Sử Thị Hà. Ông Sử Văn M chết ngày 26/4/2017, không để lại di chúc nên Tộc trường hợp chia thừa kế theo pháp luật quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 1 Điều 611, Điều 613, Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà Trương Thị H, bà Sử Thị X, bà Sử Thị T, ông Sử Văn D, ông Sử Văn H, bà Sử Thị H và bà Sử Thị Hà là những người Tộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Sử Văn M nên được hưởng thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông M để lại.

[4] Xét di sản thừa kế là thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H, có diện tích 239,5m^2 mang tên ông Sử Văn M, bà Trương Thị H. Về nguồn gốc thửa đất các đương sự đều thừa nhận là được cấp cho ông M, bà H từ trước những năm 1980, đất ăn ở ổn định, không có tranh chấp và được UBND thị xã Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/3/1997, được cấp đổi vào ngày 29/9/2014 là thửa đất số 499, tờ bản đồ số 4, tại khối phố 6, phường H, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, có diện tích 1221,6m^2 (đất ở: 1000m^2, đất vườn 221,6m^2), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 730279 mang tên ông Sử Văn M, bà Trương Thị H. Năm 2014 ông M, bà H tách thửa đất trên ra nhiều thửa đất nhỏ hơn để bán và tặng cho các con. Diện tích còn lại là 239,5m^2 (trong đó 150m^2 đất ở và 89,5m^2 đất trồng cây lâu năm) ông, bà để sử dụng và đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 211790, ngày 26/9/2016, mang tên ông Sử Văn M, bà Trương Thị H. Theo kết quả thẩm định của Tòa án thửa đất trên có diện tích như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp với các hộ liền kề. Như vậy, đây là tài sản chung Tộc quyền quản lý, sử dụng của ông Sử Văn M, bà Trương Thị H là có căn cứ, phùngù hợp.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị H: đề nghị công nhận ½ diện tích thửa đất (tương ứng với 119,75m^2 đất, trong đó: đất ở là 75m^2, đất trồng cây lâu năm là 44,75m^2) Tộc quyền quản lý, sử dụng của bà H; đề nghị chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Sử Văn M là ½ thửa đất (tương ứng với 119,75m^2 đất, trong đó: đất ở 75m^2, đất trồng cây lâu năm 44,75m^2) cho các đồng thừa kế. Hội đồng xét xử nhận thấy: Do ông M, bà H có quan hệ là hôn nhân thực tế, thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H, có diện tích 239,5m^2 do hai ông, bà tạo lập nên và đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 211790, ngày 26/9/2016, mang tên ông Sử Văn M, bà Trương Thị H nên đây là tài sản chung của ông M, bà H chưa được chia. Bà H đề nghị công nhận ½ diện

tích thửa đất trên (tương ứng với 119,75m^2 đất, trong đó: đất ở là 75m^2, đất trồng cây lâu năm là 44,75m^2) Tộc quyền quản lý, sử dụng của bà H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Ông M chết không có di chúc nên di sản của ông M được chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, phùngù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích 119,75m^2 đất (trong đó: đất ở là 75m^2, đất trồng cây lâu năm là 44,75m^2) Tộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H cho 07 đồng thừa kế gồm ông Sử Văn H, ông Sử Văn D, bà Sử Thị X, bà Sử Thị T, bà Sử Thị H, bà Sử Thị Hà và bà Trương Thị H. Giá trị mỗi kỷ phần được hưởng là 17,1m^2 đất (trong đó đất ở: 10,71m^2 x 8.000.000đ/1m^2, đất trồng cây lâu năm: 6,39m^2 x 4.000.000đ/1m^2), trị giá 111.285.000 đồng, yêu cầu trên được chấp nhận.

[6] Xét bị đơn ông Sử Văn D có yêu cầu bà Trương Thị H và các đồng thừa kế phải tách 100m^2 đất trong tổng số 239,5m^2 đất của thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H, để xây dựng nhà thờ theo di nguyện của ông Sử Văn M như trong biên bản họp gia đình năm 2012 mà các bên đã thống nhất. Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án ông Sử Văn D không xuất trình được bản gốc tài liệu, giấy tờ trên. Văn bản họp gia đình năm 2012 là thỏa Tận cắt đất để tặng cho các con, chứ không phải là di chúc của ông Sử Văn M khi còn sống. Năm 2017 ông M chết, các bên đương sự đều thừa nhận ông M không để lại di chúc. Pháp luật hiện hành cũng không quy định bắt buộc phải dành một phần di sản để làm nơi thờ cúng tổ tiên nếu người chết không để lại di chúc và không có sự thỏa Tận thống nhất của các đồng thừa kế. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông Sử Văn D để lại 100m^2 đất trong khối di sản do ông M để lại làm nơi thờ cúng tổ tiên. Yêu cầu trên của ông Sử Văn D không có cơ sở nên không được chấp nhận. Ông Sử Văn D có nguyện vọng được chia phần di sản thừa kế bằng phần đất để sử dụng. Hội đồng xét xử nhận thấy: kỷ phần di sản thừa kế anh D được hưởng là 17,1m^2 đất đất (trong đó đất ở: 10,71m^2, đất trồng cây lâu năm: 6,39m^2), phườngần diện tích này không đảm bảo về diện tích đất tối thiểu của thửa đất để được tách thửa theo quy định của UBND tỉnh Hà Tĩnh nên không được chấp nhận. Vì vậy, cần chia kỷ phần di sản thừa kế cho ông Sử Văn D bằng tiền là phù hợp.

[7] Xét yêu cầu của các đồng thừa kế: ông Sử Văn H, bà Sử Thị X, bà Sử Thị T, bà Sử Thị H, bà Sử Thị Hà yêu cầu được chia phần di sản của ông M để lại cho các ông, bà. Giá trị mỗi kỷ phần thừa kế được hưởng là 17,1m^2 đất (trong đó đất ở: 10,71m^2, đất trồng cây lâu năm: 6,39m^2), trị giá 111.285.000 đồng. Ông H, bà X, bà T, bà H, bà Hà tặng cho bà Trương Thị H kỷ phần di sản thừa kế mà các ông, bà được hưởng, không yêu cầu bà H phải trả tiền chênh lệch tài sản. Bà Trương Thị H đồng ý được nhận kỷ phần di sản của các đồng thừa kế trên. Xét thỏa Tận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phùngù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Cần giao toàn bộ thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H, có diện tích 239,5m^2 (trong đó 150m^2 đất ở và 89,5m^2 đất trồng cây lâu năm), đã được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ

211790, ngày 26/9/2016, mang tên ông Sử Văn M, bà Trương Thị H cho bà Trương Thị H quản lý, sử dụng. Buộc bà Trương Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Sử Văn D số tiền 111.285.000 đồng, tiền kỷ phần di sản thừa kế mà ông D được hưởng.

[9] Xét quan điểm về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[10]. Về lệ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản: Bà Trương Thị H tự nguyện chịu lệ phí xem xét, thẩm định tại chổ, định giá tài sản và lệ phí đo đạc, số tiền 3.507.673 đồng nên được Hội đồng xét xử nghi nhận nội dung này.

[11]Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 Luật người cao tuổi; căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban TH vụ Quốc hội, xét bà Trương Thị H và bà Sử Thị X là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm; Các đương sự khác phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2, 3 Điều 92, Điều 228, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 của Luật người cao tuổi; Căn cứ Điều 33, Điều 66 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 16 Điều 3 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ các Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban tH vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sử Thị H, bà Sử Thị Hà.

2. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị H và ông Sử Văn M là quan hệ hôn nhân thực tế.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H

- Công nhận ½ diện tích thửa đất (tương ứng 119,75m^2 đất, trong đó: đất ở là 75m^2, đất trồng cây lâu năm là 44,75m^2) Tộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H là tài sản Tộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trương Thị H.

- Xác định Di sản của ông Sử Văn M để lại là 119,75m^2 đất (trong đó: đất ở là 75m^2, đất trồng cây lâu năm là 44,75m^2) Tộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H, có trị giá 779.000.000 đồng.

- Chia thừa kế theo pháp luật 119,75m^2 đất (trong đó: đất ở là 75m^2, đất trồng cây lâu năm là 44,75m^2) Tộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H, có trị giá 779.000.000 đồng cho các đồng thừa kế gồm: Bà Trương Thị H, bà Sử Thị X, bà Sử Thị T, ông Sử Văn D, ông Sử Văn H, bà Sử Thị H và bà Sử Thị Hà; Giá trị một kỷ phần mà người được hưởng thừa kế được nhận là 111.285.000 đồng.

4. Công nhận sự tự nguyện thỏa Tận của các đương sự: bà Sử Thị X, bà Sử Thị T, ông Sử Văn H, bà Sử Thị H và bà Sử Thị Hà nH kỷ phần thừa kế tài sản được hưởng cho bà Trương Thị H được quyền quản lý, sử dụng và không yêu cầu bà H phải trả tiền chênh lệch tài sản. Tổng giá trị kỷ phần của 05 đồng thừa kế được hưởng là (111.285.000 đồng x 5) 556.425.000 đồng.

5. Giao thửa đất số 71, tờ bản đồ số 24, tại tổ dân phố 6, phường H, thành phố H, có diện tích 239,5m^2 (trong đó 150m^2 đất ở và 89,5m^2 đất trồng cây lâu năm) cho bà Trương Thị H được quyền quản lý, sử dụng (có sơ đồ kèm theo).

6. Buộc bà Trương Thị H có nghĩa vụ thanh toán số tiền 111.285.000 đồng cho anh Sử Văn D, tiền kỷ phần di sản thừa kế mà ông D được hưởng.

7. Bà Trương Thị H có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất;

8. Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Trương Thị H về việc tự nguyện chịu lệ phí xem xét, thẩm định tại chỗ, lệ phí định giá và lệ phí đo vẻ đất (lệ phí đo đạc) do Văn phòng đăng ký đất đai Hà Tĩnh thực hiện. Tổng số tiền 3.507.673 đồng. Bà H đã thực hiện xong việc nộp số tiền 3.507.673 đồng.

9. Về án phí: Buộc ông Sử Văn D, ông Sử Văn H, bà Sử Thị T, bà Sử Thị H và bà Sử Thị Hà mỗi đương sự phải chịu 5.564.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị H và bà Sử Thị X được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

10. Về quyền kháng cáo: Bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng